TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẢO LỘC** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 11-7-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyệt

2. Ông Hoàng Xuân Tỵ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, Thông báo về việc tiếp tục tiến hành phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Mỹ L**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Phường A, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Phường C, thành phố D, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 3 năm 2021). *Có mặt*.

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Quý T**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh D, sinh năm 1967. Nơi cư trú: phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13 tháng 4 năm 2021). *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ L là ông Trần Ngọc T trình bày:

Do mối quan hệ là bạn bè quen biết nên từ tháng 3/2019 đến tháng 5/2019 Bà L có cho ông T vay tiền nhiều lần tổng cộng là 250.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 1%/tháng. Tháng 7/2019 ông T trả cho bà L 50.000.000 đồng tiền gốc, không trả tiền lãi. Do đó đến ngày 02/12/2019 ông T đã viết Giấy vay tiền nhưng thực chất là giấy chốt nợ số tiền vay còn lại 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30/6/2020 thì trả tiền nợ vay này thông qua hình thức chuyển khoản.

Sau khi viết giấy vay tiền ngày 02/12/2019 thì ông T đã sử dụng số tài khoản 31510001007336 chuyển khoản trả tiền cho bà L vào số tài khoản 14110000295007 của Bà L tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, tổng cộng là 35.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 27/12/2019 ông T chuyển khoản trả số tiền 20.000.000 đồng.
- Ngày 02/9/2020 ông T chuyển khoản trả tiếp 5.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2020 ông T chuyển khoản trả 5.000.000 đồng.
- Ngày 27/12/2020 ông T chuyển khoản trả 5.000.000 đồng.

Sau đó ông T không trả cho Bà L số tiền nào nữa, đã nhiều lần Bà L yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc còn lại là 165.000.000 đồng nhưng không được. Nay Bà L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền vay gốc 165.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Quý T là ông Lê Thanh D trình bày:

Ông T không vay tiền của Bà L theo Giấy vay tiền ngày 02/12/2019; chữ ký và chữ viết trong Giấy vay tiền này không phải chữ ký, chữ viết của ông T, do không vay tiền của Bà L nên ông T không đồng ý trả cho Bà L số tiền 165.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 165.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Quý T là ông Lê Thanh D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Mỹ L cho rằng ông Bùi Quý T vay tiền của mình, mặc dù Bà L đã đòi nhiều lần nhưng ông T không trả nên khởi kiện yêu cầu ông T hiện có nơi cư trú tại xã Lộc Thanh, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền nợ vay; ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Phía nguyên đơn trình bày Bà L có cho ông T vay tiền nhiều lần tổng cộng là 250.000.000 đồng, đến tháng 7/2019 ông T đã trả cho Bà L 50.000.000 đồng. Do đó ngày 02/12/2019 ông T đã viết Giấy cho vay tiền nhưng thực chất là giấy chốt nợ số tiền vay còn lại 200.000.000 đồng.

Xét thấy Giấy cho vay tiền ngày 02/12/2019 có nội dung bên cho vay là bà Nguyễn Mỹ L, bên vay là ông Bùi Quý T, số tiền cho vay là 200.000.000 đồng, thời điểm thanh toán 30/6/2020 với phương thức thanh toán là chuyển khoản; có chữ ký xác nhận của bên vay Bùi Quý T.

Tại Bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam thể hiện từ ngày 27/12/2019 đến ngày 27/12/2020, ông T đã sử dụng số tài khoản 31510001007336 nhiều lần chuyển tiền vào số tài khoản 14110000295007 của Bà L với số tiền tổng cộng là 35.000.000 đồng; cụ thể:

- Ngày 27/12/2019 ông T chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng, với nội dung diễn giải: "*Bùi Quý T chuyển tiền trả nợ còn 180tr*";

- Ngày 02/9/2020 ông T chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng, với nội dung diễn giải: "*Bùi Quý T ck 5, 175*";

- Ngày 20/10/2020 ông T chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng, với nội dung diễn giải: "*Bùi Quý T chuyển tiền 170*";

- Ngày 27/12/2020 ông T chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng, với nội dung diễn giải: "*Bùi Quý T chuyển tiền 165, tháng sau chưa hết tháng thì đừng có tự lên"*.

Phía bị đơn trình bày bị đơn không vay tiền của Bà L, chữ ký chữ viết trong Giấy cho vay tiền ngày 02/12/2019 không phải của ông T và có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết Bùi Quý T trong Giấy cho vay tiền ngày 02/12/2019. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản thông báo và nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để Tòa án trực tiếp thu thập chữ viết, chữ ký gốc của ông T làm căn cứ trưng cầu giám định nhưng ông T không đến Tòa làm việc về nội dung này.

Tại phiên tòa ngày 15/6/2022, đại diện theo ủy quyền của ông T tiếp tục yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết Bùi Quý T và trình bày ông T không đến Tòa án để cung cấp chữ viết, chữ ký gốc làm căn cứ trưng cầu giám định là do thời gian này ông T bị nhiễm Covid-19. Tại khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "*Trường hợp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, đương sự mới cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã yêu cầu giao nộp nhưng đương sự không giao nộp được vì có lý do chính đáng thì đương sự phải chứng minh lý do của việc chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ đó*". Tòa án đã ngừng phiên tòa và có văn bản yêu cầu phía bị đơn trong thời hạn 07 ngày làm việc phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông T bị Covid-19 vào thời điểm Tòa án triệu tập ông T đến Tòa án để thu thập chữ viết, chữ ký gốc của ông T làm căn cứ trưng cầu giám định. Tuy nhiên đã hết thời hạn nêu trên nhưng phía bị đơn vẫn không cung cấp được các tài liệu chứng minh lý do của việc chậm cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Cũng tại phiên tòa ngày 15/6/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí cho người làm chứng nhưng hết thời hạn quy định phía bị đơn vẫn không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng này nên Tòa án không xem xét yêu cầu này.

Như vậy, với những tài liệu chứng cứ nêu trên chứng minh tại thời điểm ngày 02/12/2019 ông T ký xác nhận vay của Bà L số tiền 200.000.000 đồng, sau đó thông qua hình thức chuyển khoản đã trả cho Bà L tổng cộng 35.000.000 đồng. Phía bị đơn cho rằng ông T không vay tiền của Bà L theo Giấy cho vay tiền ngày 02/12/2019, chữ ký và chữ viết Bùi Quý T không phải của bị đơn nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, xác định ông T còn nợ của Bà L số tiền vay gốc 165.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, đánh giá toàn diện chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho Bà L số tiền vay gốc còn lại là 165.000.000 đồng.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: 165.000.000 đồng x 5% = 8.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Mỹ L.

Buộc ông Bùi Quý T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Mỹ L số tiền vay gốc 165.000.000 (*Một trăm sáu mươi lăm triệu*) đồng.

2. Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng. Hoàn trả cho Bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.125.000 (*Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng theo biên lai số AA/2016/0018800 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc